TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1421/2019/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 25 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1216/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
+ Ông Phạm Tấn N, sinh năm 1981
Địa chỉ: 257B L, Phường 7, Quận 6, Thành phố H.
Tạm trú: 32/57 Ấp 5, xã H1, huyện B, Thành phố H2.
+ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1980
Địa chỉ: 257B L, Phường 7, Quận 6, Thành phố H.
Tạm trú: 32/57 Ấp 5, xã H1, huyện B, Thành phố H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/12/2019, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H cùng chịu lệ phí Tòa án.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong

biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 – 2007 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố H cấp ngày 11/5/2007 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Tấn N và bà Nguyễn Thị Hồng H chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008953 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương